

Số: 1269/QĐ-UBND

An Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, huỷ bỏ, huỷ công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, huỷ bỏ, huỷ công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang tại Tờ trình số 120/TTr-SKHĐT ngày 16 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, huỷ bỏ, huỷ công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Danh mục ban hành kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo các Quyết định sau đây:

- Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế thủ tục hành chính thứ tự số 55, 56, 57, 58, 59, 64, 65, 66, 67, 69, 70 Phụ lục I công bố kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 83, Mục 5, Phụ lục I công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 60, 61, 62, 63, 68 Phụ lục I công bố kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp huyện vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

DANH MỤC**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP).

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	- Đối với hợp tác xã: 100.000 đồng - Đối với liên hiệp hợp tác	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				xã: 200.000 đồng	thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	- Đối với hợp tác xã: 100.000 đồng - Đối với liên hiệp hợp tác xã: 200.000 đồng - Sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/ 2024 Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	- Đối với hợp tác xã: 100.000 đồng - Đối với liên hiệp hợp tác	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				xã: 200.000 đồng - Sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí	doanh trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	- Đối với hợp tác xã: 100.000 đồng - Đối với liên hiệp hợp tác xã: 200.000 đồng - Sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	1.005280.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
2	2.002123.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh			
3	1.005277.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập			
4	1.004901.000.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
5	1.004979.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập			
6	2.001958.000.00.00.H01	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
7	1.005378.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
8	1.005377.000.00.00.H01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh			
9	2.001973.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
10	1.004982.000.00.00.H01	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
11	1.005010.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.005125.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	2.002013.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			
3	1.005003.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã			
4	1.005047.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			
5	1.005122.000.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia			
6	2.001979.000.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách			
7	2.001957.000.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất			

8	1.005056.000.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	1.005072.000.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)			
10	2.001962.000.00.00.H01	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã			
11	1.005064.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã			
12	1.005124.000.00.00.H01	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã			
13	1.005046.000.00.00.H01	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			

14	1.005283.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	2.002125.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã			
B. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	2.002122.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
2	2.002120.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã tách			
3	1.005121.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất			
4	1.004972.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập			
5	1.004895.000.00.00.H01	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã			